

Số: 14/NQ-HĐND

Mai Sơn, ngày 13 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024
nguồn vốn ngân sách Nhà nước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về ban hành nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia.

Xét Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 29/6/2023 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-KTXH ngày 10/7/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2024

Tổng kế hoạch vốn năm 2024: 132.597,0 triệu đồng, trong đó:

1.1. Các nguồn vốn ngân sách địa phương: 61.070,0 triệu đồng

- Nguồn vốn bổ sung cân đối được phân cấp: 19.120,0 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 36.450,0 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 5.500,0 triệu đồng.

1.2. Nguồn vốn Ngân sách Trung ương bổ sung cho địa phương (vốn trong nước) thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia: 71.527,0 triệu đồng

- Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025: 44.979,0 triệu đồng.
- Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: 26.548,0 triệu đồng.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn Ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách

địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh về ban hành nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Dự kiến phương án bố trí kế hoạch năm 2024

3.1. Phương án phân bổ: 127.097,0 triệu đồng, trong đó:

3.1.1. Các nguồn vốn ngân sách địa phương: 55.570,0 triệu đồng

Trong đó:

(1) Nguồn vốn bổ sung cân đối được phân cấp: 19.120,0 triệu đồng

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 16.920,0 triệu đồng
- Bố trí cho các dự án khởi công mới: 2.200,0 triệu đồng.

(2) Nguồn thu tiền sử dụng đất: 36.450,0 triệu đồng

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 31.959,0 triệu đồng
- Bố trí cho các dự án khởi công mới: 4.491,0 triệu đồng

3.1.2. Vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương (vốn trong nước) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 71.527,0 triệu đồng

Trong đó:

(1) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 44.979,0 triệu đồng

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 19.700,0 triệu đồng
- Bố trí cho các dự án khởi công mới: 25.279,0 triệu đồng

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 26.548,0 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 16.820,0 triệu đồng
- Bố trí cho các dự án khởi công mới: 9.728,0 triệu đồng

3.2. Để lại phân bổ chi tiết sau

Kế hoạch vốn để lại phân bổ chi tiết sau: 5.500,0 triệu đồng (*nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*).

(Chi tiết tại các biểu 01, 02, 03, 04 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Mai Sơn khóa XXI, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Thường trực huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Cường

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đã giao đến năm 2023	Dự kiến Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	6	7
1	Vốn ngân sách nhà nước	366.135	142.083	132.957	
1.1	Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	196.253	89.468	61.070	
-	Bổ sung cân đối được phân cấp	51.787	9.783	19.120	Biểu số 02
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	126.296	72.425	36.450	Biểu số 03
-	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	18.170	7.260	5.500	Phân bổ sau
1.2	Nguồn vốn ngân sách trung ương	169.882	52.615	71.527	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	105.016	32.461	44.979	Biểu 04
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	64.866	20.154	26.548	



DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 (NGUỒN VỐN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP)

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN					
								Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:	Tổng số		Trong đó:	
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	18	19	20	21	22	23	24		
	TỔNG CỘNG				113.800	92.087	113.800	51.787	-	-	9.783	9.783	19.120	19.120	-	-			
I	Các dự án chuyển tiếp				73.800	73.800	73.800	33.500	-	-	9.783	9.783	16.920	16.920	-	-			
I.1.	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				56.500	56.500	56.500	16.200	-	-	3.912	3.912	11.260	11.260					
1	Khu Tái định cư di tích lịch sử ngã 3 cò Nòi	Xã Cò Nòi	2022-2024	1221-13/6/2022	8.500	8.500	8.500	2.314	-		1.106	1.106	1.307	1.307					
2	Khu dân cư xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2022-2024	1088-19-5-2022	18.000	18.000	18.000	2.000	-		806	806	1.194	1.194					
3	Hội trường trung tâm Chính trị - Hành Chính huyện Mai Sơn	TT Hát Lót	2022-2024	1152-31/5/2022	30.000	30.000	30.000	11.886	-		2.000	2.000	8.759	8.759					
I.2	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				17.300	17.300	17.300	17.300	-	-	5.871	5.871	5.660	5.660	-				
1	Đường giao thông Cò Nòi (bản Nhạp)- Chiềng Lương (bản Lù), huyện Mai Sơn	Xã Chiềng Lương	2023-2025	2257-18/11/2022	14.900	14.900	14.900	14.900			4.371	4.371	4.992	4.992					
2	Nhà văn hóa xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2023-2024	2003-28/9/2022	2.400	2.400	2.400	2.400			1.500	1.500	668	668					
II	Dự án khởi công mới năm 2024				40.000	18.287	40.000	18.287	-	-	-	-	2.200	2.200					

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Trong đó: NSNN				
								Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	18	19	20	21	22	23	24		
1	Trường TH - THCS Tô Hiệu; Hạng mục: NLH 2 tầng 8 phòng	Thị trấn Hát Lót	2024-2026	2183 - 20/8/2021	6.000	5.700	6.000	5.700					1.000	1.000					
2	Hạ tầng khu TĐC đô thị (gắn với chợ dân sinh TK20, thị trấn Hát Lót	Thị trấn Hát Lót	2024-2026	04/NQ-HĐND ngày 15/4/2022	34.000	12.587	34.000	12.587					1.200	1.200					



DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 (NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT)

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Trong đó: NSNN			
								Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	18	19	20	21	22	23	24	
II	VỐN NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				270.290	257.703	254.834	126.296	-	-	72.425	72.425	36.450	36.450				
II.1	Dự án chuyển tiếp				236.290	236.290	220.834	104.883	-	-	72.425	72.425	31.959	31.959				
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	Thị trấn Hát Lót	2019-2020	1751/QĐ-UBND ngày 16/08/2018	185.590	185.590	170.134	58.596			54.050	54.050	4.546	4.546				
2	Khu dân cư tiểu khu 26/3 xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2021-2023	2117/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	12.700	12.700	12.700	12.700			9.825	9.825	2.875	2.875				
3	Khu Tái định cư dự án Trung tâm chính trị - hành chính huyện và các dự án khác	Thị trấn Hát Lót	2021-2023	2298/QĐ-UBND ngày 28/8/2021	11.500	11.500	11.500	11.500	-		7.544	7.544	3.956	3.956				
4	Khu Tái định cư di tích lịch sử ngã 3 Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2022-2024	1221/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	8.500	8.500	8.500	6.087			500	500	5.587	5.587				
5	Khu dân cư xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2022-2024	1088/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	18.000	18.000	18.000	16.000			506	506	14.996	14.996				
II.2	Dự án khởi công mới năm 2024				34.000	21.413	34.000	21.413	-	-	-	-	4.491	4.491				
1	Hạ tầng khu ĐOC đô thị (gắn với chợ dân sinh TK20, thị trấn Hát Lót	Thị trấn Hát Lót	2024-2026	04/NQ-HĐND ngày 15/4/2022	34.000	21.413	34.000	21.413					4.491	4.491				

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2024 (VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước					
								Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:	Tổng số		Trong đó:	
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	18	19	20	21	22	23	24		
	TỔNG SỐ				111.463	105.049	184.915	169.882	-	-	52.615	52.615	71.527	71.527	-	-			
A	Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				61.701	59.639	114.425	105.016	-	-	32.461	32.461	44.979	44.979	-	-			
I	Dự án chuyển tiếp				61.701	59.639	61.222	54.459	-	-	32.461	32.461	19.700	19.700	-	-			
1.1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				29.980	29.502	29.502	24.322	-	-	15.170	15.170	10.332	10.332	-	-	-		
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				15.680	15.680	15.680	11.400	-	-	7.177	7.177	6.903	6.903	-	-	-		
1.1	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở				3.680	3.680	3.680	-	-	-	1.680	1.680	1.000	1.000	-	-	-		
	Nội dung 01: Hỗ trợ đất ở				3.680	3.680	3.680				1.680	1.680	1.000	1.000					
1.2	Đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung năm 2022				12.000	12.000	12.000	11.400	-	-	5.497	5.497	5.903	5.903	-	-	-		
1	Công trình nước sinh hoạt bản Mòn 1, Mòn 2 xã Chiềng Lương	Chiềng Lương	2022 - 2024	2363-31/10/2022	6.000	6.000	6.000	5.700			2.000	2.000	3.700	3.700					
2	Công trình nước sinh hoạt liên bản xã Chiềng Mai	Chiềng Mai	2022 - 2023	2364-31/10/2022	6.000	6.000	6.000	5.700			3.497	3.497	2.203	2.203					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước					
								Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó: Ngân sách Nhà nước		Tổng số	Trong đó:	
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB
2	Dự án 04: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc				14.300	13.822	13.822	12.922	-	-	7.992	7.992	3.429	3.429	-	-	-		
2.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn				9.300	8.822	8.822	7.922	-	-	5.548	5.548	2.373	2.373	-	-	-		
1	Công trình đường bản Nà Khoáng, xã Chiềng Dong đi bản Ngòi, xã Chiềng Chung	Xã Chiềng Dong	2022-2024	2333-30/10/2022	5.600	5.317	5.317	5.317			3.788	3.788	1.528	1.528					
2	Nhà Văn hoá xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2022-2023	3154-29/10/2021	3.700	3.505	3.505	2.605			1.760	1.760	845	845					
2.2	Cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi				5.000	5.000	5.000	5.000	-	-	2.444	2.444	1.056	1.056	-	-	-		
1	Công trình đầu tư chợ xã Phiêng Cầm huyện Mai Sơn				5.000	5.000	5.000	5.000			2.444	2.444	1.056	1.056					
1.2	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				31.721	30.137	31.721	30.137	-	-	17.292	17.292	9.368	9.368	-	-	-		
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc				31.721	30.137	31.721	30.137	-	-	17.292	17.292	9.368	9.368	-	-	-		
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn				30.391	28.873	30.391	28.873	-	-	16.407	16.407	8.989	8.989	-	-	-		
1	Công trình đường liên bản (Nong Tàu Mông-Nong Nghè-Xà Nghè-Huổi Nhà- Phiêng Phụ A) xã Phiêng Cầm	Xã Phiêng Cầm	2023-2025	1071-16/6/2023	4.900	4.658	4.900	4.658			2.444	2.444	1.200	1.200					

 Đánh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước				
							Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB		
2	Công trình nhà Văn hóa bán Bơ, xã Tà Hộc	Xã Tà Hộc	2023-2025	1024-12/6/2023	1.000	950	1.000	950			665	665	285	285			
3	Công Trình Cầu qua suối bản Cho Cong, Chiềng Nọi	Xã Chiềng Nọi	2023-2025	1044-14/6/2023	1.200	1.140	1.200	1.140			798	798	342	342			
4	Công trình đường liên bản, bản Púng đi bản Suon Mè, xã Chiềng Ve	Xã Chiềng Ve	2023-2025	1043-14/6/2023	3.360	3.192	3.360	3.192			1.756	1.756	1.000	1.000			
5	Công trình nhà Văn hóa bán Vực Bon, xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2023-2025	1036-13/6/2023	1.000	950	1.000	950			665	665	285	285			
6	Công trình đường liên bản Lò Um đi bản Khoáng Biên, xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Dong	2023-2025	1063-15/6/2023	1.442	1.369	1.442	1.369			959	959	410	410			
7	Công trình nhà văn hóa bán Buốt Ván, xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo	2023-2025	1027-12/6/2023	1.000	950	1.000	950			665	665	285	285			
8	Công trình Cầu qua suối vào Trụ sở UBND xã Nà Ốt	Xã Nà Ốt	2023-2025	1045-14/6/2023	1.200	1.140	1.200	1.140			798	798	342	342			
9	Công trình Cầu treo qua suối Nà Nhụng, bản Nà Nhụng, xã Phiêng Păn	Xã Phiêng Păn	2023-2024	1072-16/6/2023	1.969	1.870	1.969	1.870			1.330	1.330	540	540			
10	Công trình nâng cấp điện không an toàn	Một số xã vùng III	2023-2024	1077 - 16/6/2023	13.320	12.654	13.320	12.654			6.327	6.327	4.300	4.300			
1.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn bản đặc biệt khó khăn				1.330	1.264	1.330	1.264	-	-	885	885	379	379	-	-	
1	Công trình đường đi khu sản xuất bản Kéo Bó, xã Nà Bó	Xã Nà Bó	2023-2025	1065-15/6/2023	1.330	1.264	1.330	1.264			885	885	379	379			
1.3	Dự án khởi công mới năm 2024				-	-	53.203	50.557	-	-	-	-	25.279	25.279	-	-	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				-	-	5.223	4.961	-	-	-	-	2.481	2.481	-	-	
1.1	Nội dung 3: Nước sinh hoạt tập trung						5.223	4.961	-	-	-	-	2.481	2.481			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước						
								Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó:	
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB
1	Công trình Nâng cấp, sửa chữa công trình Nước sinh hoạt bản Páng Săng, xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo	2024-2025				1.000	950					475	475						
2	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Lụng Cuông, xã Nà Ốt	Xã Nà Ốt	2024-2025				1.023	971					486	486						
3	Nâng cấp, sửa chữa công trình Nước sinh hoạt bản bản Pá Nó, xã Tà Hộc	Xã Tà Hộc	2024-2025				2.200	2.090					1.045	1.045						
4	Nước sinh hoạt bản Nà Khoang, Chiềng Dong	Xã Chiềng Dong	2024-2025				1.000	950					475	475						
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc				-	-	47.980	45.596	-	-	-	-	22.798	22.798	-	-	-			
2.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn				-	-	41.680	39.596	-	-	-	-	19.798	19.798	-	-				
1	Công trình Kè chắn lũ bản Nà Rằm, xã Chiềng Lương	Xã Chiềng Lương	2024-2025				2.500	2.375					1.188	1.188						
2	Công trình nhà văn hóa bản Lọng Nghju, Phiềng Cầm	Xã Phiềng Cầm	2024-2025				1.000	950					475	475						
3	Công trình Cầu treo bản Hộc đi khu Xóm Châu và bản Mường, xã Tà Hộc	Xã Tà Hộc	2024-2025				2.500	2.375					1.188	1.188						
4	Công trình nhà Văn hóa bản Mông, xã Tà Hộc;	Xã Tà Hộc	2024-2025				1.000	950					475	475						
5	Công trình Đường từ bản Nhụng Dưới đến bản Bằng Ban, xã Chiềng Nọi	Xã Chiềng Nọi	2024-2025				11.400	10.830					5.415	5.415						
6	Công trình Nhà Văn hóa xã Chiềng Ve	Xã Chiềng Ve	2024-2025				2.400	2.280					1.140	1.140						
7	Công trình Nhà văn hóa bản Sươn Mè, xã Chiềng Ve	Xã Chiềng Ve	2024-2025				1.000	950					475	475						

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước			
								Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB	
8	Công trình Nhà Văn hóa bản Co Sâu, xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024-2025				1.000	950					475	475			
9	Công trình Thủy lợi bản Cuộm Sơn, Dăm Hoa, xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024-2025				1.060	1.007					504	504			
10	Từ đường liên xã (Hát Lót - Chiềng Mai) đến bản Puồn Vạy, xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024-2025				2.720	2.584					1.292	1.292			
11	Đường nội bản bản Nghịu Cọ xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Dong	2024-2025				1.000	950					475	475			
12	Đường giao thông liên bản Nà Viên đi bản Páng Sắng, xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo	2024-2025				2.400	2.280					1.140	1.140			
13	Công trình Cầu qua suối bản Buốt Vần, xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Kheo	2024-2025				2.500	2.375					1.188	1.188			
14	Công trình Đường giao thông từ QL4G - bản Lọ Dên (Huổi Dên), xã Nà Ốt	Xã Nà Ốt	2024-2025				3.500	3.325					1.663	1.663			
15	Công trình nhà văn hóa bản Lọ Dên, xã Nà Ốt	Xã Nà Ốt	2024-2025				1.000	950					475	475			
16	Công trình Nhà Văn hóa bản Nà Pồng - Pá Po, Phiềng Păn	Xã Phiềng Păn	2024-2025				1.000	950					475	475			
17	Công trình Đường nội bản Pá Liềng, xã Phiềng Păn	Xã Phiềng Păn	2024-2025				3.700	3.515					1.758	1.758			
2.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn bản đặc biệt khó khăn				-	-	6.300	6.000	-	-	-	-	3.000	3.000	-	-	
1	Công trình Đường nội bản bản Yên Bình (cầu đường), Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	2024-2025				600	550					275	275			

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước			
								Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB	
2	Công trình đường giao thông nội Bản Nong Môn, Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2024-2025				600	550					275	275			
3	Công trình Cầu tràn bản Ít Hò, Chiềng Chung	Xã Chiềng Chung	2024-2025				600	550					275	275			
4	Công trình nhà văn hóa bản Ít Hò	Xã Chiềng Chung	2024-2025				1.000	950					475	475			
5	Công trình Nhà Văn Hóa bản Yên Bình (cầu đường), Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	2024-2025				1.000	950					475	475			
6	Công trình Nhà Văn hóa Bản Tong Tái B, Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	2024-2025				1.000	950					475	475			
7	Công trình Đường bản Mé đến bản Xam Ta, Chiềng Chung	Xã Chiềng Chung	2024-2025				1.500	1.500					750	750			
B	Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới				49.762	45.410	70.490	64.866	-	-	20.154	20.154	26.548	26.548	-	-	
I	Dự án chuyển tiếp (dự kiến hoàn thành sau năm 2024)				49.762	45.410	48.983	45.410	-	-	20.154	20.154	16.820	16.820	-	-	
1	Công trình điện cho các hộ sử dụng không an toàn tại các xã	4 Xã	2022-2025	2491-21/11/2022	9.300	8.521	8.521	8.521			5.771	5.771	1.400	1.400			
2	Đường giao thông đến bản Rừng Thông, xã Mường Bon	Xã Mường Bon	2023-2025	1069-16/6/2023	4.620	4.158	4.620	4.158			1.229	1.229	1.929	1.929			
3	Nhà văn hóa xã Mường Bằng	Xã Mường Bằng	2023-2025	1035-13/6/2023	2.400	2.160	2.400	2.160			1.080	1.080	756	756			
4	Kênh thoát lũ từ khu đô thị sang suối cận bản Cò Nòi, xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2023-2025	1068-16/6/2023	2.340	2.106	2.340	2.106			1.053	1.053	737	737			

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024					Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước						
								Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số		Trong đó:	
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB
5	Nhà văn hóa xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	2023-2025	1033-13/6/2023	2.400	2.160	2.400	2.160			1.080	1.080	756	756						
6	Nhà văn hóa bản Kiếng, xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	2023-2025	1037-13/6/2023	1.000	900	1.000	900			450	450	450	450						
7	Đường Chiềng Chăn - Chiềng Sung	Xã Chiềng Chăn	2023-2025	1064-15/6/2023	1.120	1.008	1.120	1.008			504	504	504	504						
8	Trường Mầm non Nà Bó 4 phòng học	Xã Nà Bó	2023-2025	1082-16/6/2023	4.500	4.050	4.500	4.050			1.300	1.300	1.550	1.550						
9	Đường nội đồng bản Nà Hường	Xã Nà Bó	2023-2025	1074-16/6/2023	1.400	1.260	1.400	1.260			380	380	580	580						
10	Nhà văn hóa bản Sàng Nà Tre	Xã Chiềng Ban	2023-2025	1025-12/6/2023	1.000	900	1.000	900			450	450	450	450						
11	Rãnh thoát nước dọc tuyến đường trung tâm xã	Xã Chiềng Ban	2023-2025	1075-16/6/2023	2.700	2.430	2.700	2.430			445	445	1.185	1.185						
12	Đường đến bản Nhất Bó Lạnh đi bản Phát Nam (đường từ bản Thống Nhất cũ đi bản Phát cũ)	Xã Chiềng Sung	2023-2025	1067-15/6/2023	3.372	3.038	3.372	3.038			1.485	1.485	950	950						
13	Nhà văn hóa thôn Tiên Phong	Xã Hát Lót	2023-2025	1026-12/6/2023	1.000	900	1.000	900			450	450	450	450						
14	Nhà văn hóa tiểu khu Nà Sán	Xã Hát Lót	2023-2025	1028-12/6/2023	1.000	900	1.000	900			450	450	450	450						
15	Đường nội bản Cang Mường - Nong Ten	Xã Mường Chanh	2023-2025	1070-16/6/2023	2.210	1.989	2.210	1.989			245	245	1.000	1.000						
16	Nhà Văn hóa xã Chiềng Chung	Xã Chiềng Chung	2023-2025	1034-13/6/2023	2.400	2.280	2.400	2.280			1.140	1.140	798	798						

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước					
								Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:	Tổng số		Trong đó:	
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB
17	Trường mầm non Chiềng Chung. Hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng điểm trung tâm (bản Nghịu)	Xã Chiềng Chung	2023-2025	1076-16/6/2023	6.000	5.700	6.000	5.700			2.167	2.167	2.400	2.400					
18	Nhà văn hóa bản Hạm	Xã Chiềng Chung	2023-2025	1038-13/6/2023	1.000	950	1.000	950			475	475	475	475					
II	Dự án khởi công mới năm 2024				-	-	21.507	19.456	-	-	-	-	9.728	9.728	-	-			
1	Đường giao thông đến bản Thống Nhất	Xã Mường Bon	2024-2025				1.961	1.765					882	882					
2	Nhà văn hóa bản Ở Tra, xã Mường Bon	Xã Mường Bon	2024-2025				1.000	900					450	450					
3	Nhà Văn hóa bản Mứn Đoàn Kết, xã Mường Bon	Xã Mường Bon	2024-2025				1.000	900					450	450					
4	Nhà văn hóa bản Xuân Quế	Xã Cò Nòi	2024-2025				1.000	900					450	450					
5	Đường nội bản bản Phường	Xã Chiềng Chăn	2024-2025				2.951	2.656					1.328	1.328					
6	Đường nội bản bản Hùn	Xã Chiềng Chăn	2024-2025				1.760	1.584					792	792					
7	Đường liên bản Chiềng Đen	Xã Chiềng Chăn	2024-2025				2.080	1.872					936	936					
8	Rãnh thoát nước bản Phiềng Khoài Tong Chính	Xã Chiềng Ban	2024-2025				700	630					315	315					

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Đã bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2023		Dự kiến kế hoạch năm 2024				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Nhà nước			
								Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		
									Thu hồi các khoản vốn ứng	Thanh toán nợ XDCB					Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng	
9	Rãnh thoát nước bản Mai Khoang	Xã Chiềng Ban	2024-2025				700	630					315	315			
10	Nước Sinh hoạt bản Cao Sơn (nước sinh hoạt bản Nà Lầu cũ)	Xã Chiềng Sung	2024-2025				330	297					149	149			
11	Công trình nước sinh hoạt bản Quỳnh Tắm (NSH bản Bãi Tắm cũ)	Xã Chiềng Sung	2024-2025				1.025	923					461	461			
12	Trường Mầm non Nà Sản, xã Hát Lót; hạng mục: Nhà lớp học 2 P điểm trung tâm; NLH 1 P điểm trường bản Co Trai	Xã Hát Lót	2024-2025				3.000	2.700					1.350	1.350			
13	Công trình NSH bản Bông	Xã Mường Chanh	2024-2025				1.000	900					450	450			
14	Đường liên bản Hòm - Bản Phúc Lợi	Xã Mường Chanh	2024-2025				1.000	900					450	450			
15	Nhà Văn hóa bản Mây	Xã Chiềng Chung	2024-2025				1.000	950					475	475			
16	Nhà Văn hóa bản Lọng Nghịu	Xã Chiềng Chung	2024-2025				1.000	950					475	475			